

PHÂN KÌ LỊCH SỬ VÀ PHÂN CHIA LOẠI HÌNH TIỂU THUYẾT TÂM LÝ VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

○ ĐÀO ĐỨC DOÀN*

Onửa đầu thế kỉ XX, tiểu thuyết tâm lí (TTTL) Việt Nam đã phát triển thành một dòng với nhiều cây bút có tài và nhiều tác phẩm có giá trị, đánh dấu sự trưởng thành của văn xuôi Việt Nam trên con đường hiện đại hoá. Chương trình giảng dạy ở phổ thông và đại học đã chú trọng đến TTTL giai đoạn này, song việc nghiên cứu, giảng dạy hiện nay chỉ dừng lại ở những khám phá, phát hiện giá trị nội dung và hình thức của những tác phẩm riêng lẻ. Bài viết của chúng tôi nhận diện các giai đoạn vận động chủ yếu và những loại hình cơ bản của TTTL Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, từ đó hướng đến khái quát và đưa ra cái nhìn toàn cảnh về bức tranh văn học ở mảng sáng tác này.

1. Giai đoạn đầu thế kỉ XX đến 1939: TTTL tình cảm và TTTL bản năng

1) Từ đầu thế kỉ XX đến 1933: TTTL tình cảm

Chặng đường này đánh dấu bước chuyển từ tiểu thuyết truyền thống phương Đông sang đến văn xuôi tâm lí hiện đại phương Tây. Theo ý kiến của những nhà nghiên cứu có uy tín, «*Nho phong*» (1926) của Nguyễn Tường Tam dấu chưa thể được coi là TTTL nhưng đã «có một chút tâm lí kiểu phương Tây», «*Tố Tâm*» (1925) của Hoàng Ngọc Phách đã «có những nét của tiểu thuyết lãng mạn Pháp» và đến khi «*Hồn bướm mơ tiên*» (1932), «*Gánh hàng hoa*» (1933) ra đời thì «bước chuyển» của TTTL Việt Nam «sang nền nghệ thuật phương Tây đã được thực hiện thành công» (1). Điểm nổi bật trong đời sống tâm lí xã hội ở thời kì này là: xung đột «mới - cũ» (giữa thế hệ già với thế hệ trẻ, giữa duy tân với thủ cựu, Hán học với Tây học, văn minh Âu Tây với văn hoá Á Đông) chỉ mới chớm nảy nở, chưa phát triển thành xung đột giữa các lực lượng xã hội, và vì thế, con người luôn phải sống trong tình trạng *tự mâu thuẫn* giữa lí trí và tình cảm. «Ở mỗi thanh niên hồi bấy giờ có hai sức mạnh phản động: sức mạnh của tình cảm và lí trí. Sống cuộc đời bên trong thì sống với tình cảm, nhưng khi hành động, thì hành động theo lí trí» (Hoàng Ngọc Phách -

«Cuộc phỏng vấn các nhà văn») (2). Mâu thuẫn đó không được giải quyết khiến tâm lí sâu nã lan tràn toàn xã hội. Tiếng khóc chồng của Tương Phố («*Giọt lệ thu*»), tiếng khóc vợ của Đông Hồ («*Linh phương lệ kỷ*»), cái «sầu không có mối» của Tân Đà, tâm sự sâu thẳm trong «*Tố Tâm*»... đều là những cung bậc khác nhau của «điều sầu thời đại» đó. Một nhà nghiên cứu ghi nhận: khi «*Hồn bướm mơ tiên*» ra đời (1932), «*du âm nào nùng*» của những truyện tình lâm li như «*Tuyết hồng lệ sử*», «*Tố Tâm*» từng làm thổn thức trái tim nhiều độc giả thanh niên thành thị vẫn chưa tắt» (3).

Đặc điểm tâm lí xã hội nói trên là cơ sở khiến TTTL tình cảm phát triển mạnh mẽ ở giai đoạn này. «*Tố Tâm*» (1925) của Hoàng Ngọc Phách, «*Hồn bướm mơ tiên*» (1932) của Khải Hưng, «*Gánh hàng hoa*» (1933) của Khải Hưng và Nhất Linh, hay «*Nắng thu*» (1934) của Nhất Linh đều thuộc loại TTTL tình cảm, trong đó «*Tố Tâm*» là tác phẩm tiêu biểu hơn cả. Vừa ra đời, «*Tố Tâm*» lập tức đã trở thành một sự kiện văn học thu hút dư luận xã hội vô cùng rộng rãi, với những luồng ý kiến trái chiều. Hoàng Ngọc Phách cho biết: «Lần in thứ nhất 3.000 quyển chỉ trong nửa tháng là bán hết ngay. Có độc giả đem tiền đặt sẵn để mua trước khi in lần thứ hai (...) Sách in ra dư luận rất xôn xao. Các nam nữ thanh niên thì khen ngợi viết thư cho tác giả tỏ lời hoan nghênh. Các cụ thì chê bai mạt sát» (4). Vũ Bằng gọi «*Tố Tâm*» là «trái bom nổ giữa khung trời tình cảm». Trúc Hà, John Schaffer và Thế Uyên cũng có những nhận xét tương tự. Cho đến năm 1933, Thiều Sơn vẫn nói: «Gần đây, có mấy cô thiếu nữ vì thất tình mà tự vẫn, mấy người lại còn đổ tội cho cái ảnh hưởng của tiểu thuyết tình, mà «*Tố Tâm*» này là một» (5). «*Tố Tâm*» và các TTTL khác ở chặng đường này đều lấy *mô hình con người tình cảm* làm điểm tựa kiến tạo cả nội dung lẫn hình thức của tác phẩm; đều miêu tả các *trạng thái* và *quá trình* tâm lí; đều sử dụng các phương thức, phương tiện vào một mục đích duy nhất là biểu hiện đời sống tình cảm của nhân vật.

* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

2) Từ 1933 đến 1939: TTTL bản năng

Con người cá nhân ở thời kì này đã thức tỉnh và ý thức hơn về sự tồn tại của bản thân trong các quan hệ xã hội. Hầu hết các tác gia văn học ở chặng đường này đều thuộc tầng lớp trí thức Tây học, trẻ tuổi, giỏi tiếng Pháp, am hiểu văn hoá Pháp. Với đội ngũ nhà văn này, TTTL đã tạo ra được cái nhìn đa chiều về con người. Sự xuất hiện của phê bình văn học hiện đại lúc này cũng góp phần tác động tới sự phát triển của TTTL. Lê Thanh nhận xét: «Vào khoảng năm 1934, 1935, trong văn học đã có một cái dịch «phê bình». Giờ những tạp chí, những tờ báo xuất bản vào những năm ấy, ta thấy nhan nhản những bài phê bình» (2). Những cuộc tranh luận về nghệ thuật và triết học giữa các phái «vị nghệ thuật» và «vị nhân sinh», «duy tâm» và «duy vật», những bài phê bình «nhan nhản» của những cây bút nổi tiếng như Thiều Sơn, Hoài Thanh, Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư, Trương Chính,... đã giúp các nhà văn ý thức tự giác hơn về TTTL, để đưa loại hình sáng tác này lên một bước phát triển mới.

Tuy nhiên, số lượng TTTL ở chặng đường này không nhiều, nhường chỗ cho tiểu thuyết hiện thực chủ nghĩa của Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Lan Khai, Vũ Trọng Phụng. Mặc dù có những trang phân tích tâm lí sắc sảo, nhưng sáng tác của các nhà văn này tập trung chủ yếu vào việc phơi bày mâu thuẫn quyết liệt giữa nông dân và địa chủ, quan lại, giữa công nhân với tư sản, giữa các tầng lớp dân nghèo và những kẻ lăm lăm, nhiều bạc. Nhất Linh và Khái Hưng là hai cây bút lạng mạn lớn nhất của Tự lực văn đoàn cũng viết hàng loạt tiểu thuyết có tính chất luận đề xã hội, hay tiểu thuyết phong tục, thế sự, kiểu như «Nửa chừng xuân» (1934), «Đoạn tuyệt» (1934), «Lạnh lùng» (1936), «Gia đình» (1936), «Thoát ly» (1938), «Thừa tự» (1938).

Người đưa TTTL tiếp tục phát triển lại chính là ông «vua phóng sự Bắc kì» Vũ Trọng Phụng. Về phương diện này, sự ra đời của những cuốn «Làm đĩ» (1936), «Lấy nhau vì tình» (1937) là một sự kiện quan trọng. Chính sự xuất hiện của cuốn «Làm đĩ» đã châm ngòi cho cuộc tranh luận quyết liệt về «văn chương dâm uế», về văn học tả chân và văn học lạng mạn.

Có lẽ danh xưng «vua phóng sự Bắc kì» đã khiến người ta thường nghĩ tới tính phóng sự mỗi khi bàn về sáng tác Vũ Trọng Phụng và không ngờ rằng, chính ông còn là cây bút sáng tạo ra một loại hình TTTL kiểu mới. Trung thành với nguyên tắc dựa vào nội dung để phân loại, chúng

tôi xếp sáng tác của ông vào loại TTTL bản năng. Dạng tiểu thuyết này được kiến tạo theo mô hình nghệ thuật về con người tự nhiên với những đam mê, ham muốn, nhiều khi đầy thú tính, nhu cầu rất «vật» lẫn sâu dưới lớp vô thức, tiềm thức, lúc nào cũng sẵn sàng bùng nổ vượt ra khỏi vòng kiểm soát của con người xã hội. Toàn bộ các phương thức, phương tiện nghệ thuật, từ cốt truyện, kết cấu cho đến ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ trần thuật đều phát huy sức mạnh to lớn để thể hiện bình diện bản năng này trong đời sống tâm lí của con người. Chẳng hạn, cốt truyện trong những tiểu thuyết nói trên của Vũ Trọng Phụng thường được tổ chức theo nguyên tắc chỉ quan với việc sử dụng rộng rãi các chi tiết ngẫu nhiên. Hay, khi miêu tả nhân vật, nhà văn thường sử dụng độc thoại, trong đó, lời thoại ngầm giống như phản ứng trực tiếp, tức thời của con người trước tác động của ngoại cảnh.

TTTL Việt Nam mấy chục năm đầu thế kỉ vẫn chưa thoát ra khỏi sự thô mộc. Tâm lí nhiều khi vẫn được miêu tả như một kết quả trong trạng thái tĩnh tại, đằng sau hành vi tâm lí của các nhân vật vẫn thấy lộ ra bàn tay can thiệp của tác giả. Nhưng, đối với quá trình phát triển của văn học, đóng góp của người cầm bút chính là những điều mới mà họ đã làm được so với các thế hệ đi trước. Ai cũng biết, trong tiểu thuyết cổ điển, nhân vật văn học chẳng qua là các ý niệm được hình thức hoá. Việc miêu tả nhân vật trong tiểu thuyết cổ điển vì thế thường mang tính công thức, sơ đồ, thiếu hẳn chiều sâu tâm lí. So sánh để thấy, TTTL tình cảm của Nhất Linh, Khái Hưng, nhất là «Tổ Tâm» của Hoàng Ngọc Phách và TTTL bản năng của Vũ Trọng Phụng là những cách tân nghệ thuật quan trọng, đưa nền văn xuôi nghệ thuật Việt Nam phát triển lên một bước mới, góp phần biến văn chương thực sự thành «nhân học», khoa học về con người.

2. Thời kì 1939-1945: TTTL ý thức cá nhân khép kín và TTTL nhân cách

1) Từ 1939 đến 1943: TTTL ý thức cá nhân khép kín

Từ sau 1939, Mặt trận bình dân Pháp bị sụp đổ, Pháp, Nhật cấu kết với nhau khủng bố phong trào cách mạng Việt Nam khốc liệt. Thợ thuyền và công chức thất nghiệp. Nạn đói hoành hành. Các tầng lớp nhân dân lâm vào tình trạng bế tắc, khủng hoảng trầm trọng. Sự bế tắc, khủng hoảng tinh thần của xã hội đã khiến các nhà văn quan tâm nhiều hơn tới đời sống nội tâm của con người cá nhân, TTTL ở giai đoạn này trở nên phong phú hơn hẳn so với thời kì trước.

Trong vòng mấy năm, từ 1939 đến 1943, hàng loạt TTTL ra đời: «*Đôi bạn*» (1939), «*Bướm trắng*» (1939) của Nhất Linh, «*Đẹp*» (1939), «*Thanh Đức*» (1943) của Khải Hưng, «*Ngày mới*» (1939) của Thạch Lam, «*Thiếu quê hương*» (1940) của Nguyễn Tuân, «*Đứa con*» (1941-1943) của Đỗ Đức Thu. Những tác phẩm này thuộc loại hình TTTL ý thức cá nhân khép kín, đều dựa vào mô hình nghệ thuật về con người cá nhân khép kín trong thế giới của ý thức bản thân; nội dung tâm lí chủ yếu được miêu tả là những trạng thái, quá trình tâm lí cá nhân khép kín có tính chất chủ quan; sử dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật nhằm thể hiện tính khép kín của ý thức cá nhân. Ở những tác phẩm này, cốt truyện, kết cấu, các chi tiết nhân vật thường được tổ chức theo nguyên tắc đồng nhất với ý thức chủ quan khép kín, ngôn ngữ nhân vật chủ yếu là lời độc thoại cô lập,...

«*Bướm trắng*» đánh dấu bước phát triển mới của TTTL ở giai đoạn này. Nhiều nhà nghiên cứu, phê bình như Bùi Xuân Bào, Phạm Thế Ngũ, Thế Phong, hoặc sau này, Trần Hữu Tá, Đỗ Đức Hiểu, ... đã chỉ ra mối liên hệ giữa «*Bướm trắng*» với tiểu thuyết của Dostoievski, Stendahl, Flaubert, Proust, ... và khẳng định đây là TTTL hiện đại. Theo Phạm Xuân Bào, trong «*Bướm trắng*», Nhất Linh đã sử dụng «*thứ độc thoại mà Dostoievski đã sử dụng*». Trần Hữu Tá khẳng định: «*đến «Bướm trắng», Nhất Linh thực sự đã đạt được thành tựu đáng kể trong quá trình hiện đại hoá nghệ thuật viết tiểu thuyết của mình*» (6). Đỗ Đức Hiểu nhận xét: «*Bướm trắng*» «*chứa đựng những yếu tố hiện đại phương Tây*», viết «*Bướm trắng*», Nhất Linh đã «*đi vào thế giới bên trong*» như Stendahl, Flaubert, cả Dostoievski nữa» (7).

2) Từ 1943 đến 1945 và TTTL nhân cách

Từ sau 1943, chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng lan rộng, khiến đời sống xã hội càng khủng hoảng hơn. Vấn đề đặt ra lúc này là «*Làm thế nào cho được sống*» («*Sống mòn*»). Sự khốc liệt của hoàn cảnh sống trong những năm trước Cách mạng tháng Tám dường như đã khiến các nhà văn không thể chỉ quan tâm tới đời sống nội tâm khép kín của con người cá nhân, mà phải quan tâm nhiều hơn đến mối liên hệ giữa con người với môi trường, hoàn cảnh. TTTL ở chặng đường này, vì thế, là loại hình tiểu thuyết khác biệt hẳn so với chặng đường trước: TTTL nhân cách.

Kết tinh những đặc điểm nghệ thuật của loại hình TTTL nhân cách là «*Sống mòn*» (1944) (Nam Cao). Đây là dạng tiểu thuyết chủ yếu được xây dựng trên mô hình con người nhân cách, hiểu

theo nghĩa là một chủ thể tự ý thức và là sản phẩm của môi trường, hoàn cảnh xã hội. Đời sống nội tâm được miêu tả là toàn bộ thế giới tâm lí như một quá trình phát triển biện chứng. Trong số những TTTL ra đời trước 1945 ở Việt Nam, «*Sống mòn*» là «*một hiện tượng độc đáo đột xuất*», «*một kiệt tác vô tiền khoáng hậu*» (8), «*một kiểu tiểu thuyết riêng*» (9). Với «*Sống mòn*», Nam Cao đã khắc phục được những hạn chế, những biểu hiện phiến diện, sơ lược, bệnh chủ quan của nghệ thuật miêu tả tâm lí trong các tiểu thuyết trước đây và hoàn thiện quá trình hiện đại hoá nền văn xuôi Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

TTTL Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX là một hiện tượng đa dạng, phong phú, thậm chí phức tạp. TTTL tinh cảm đánh dấu thời kì khởi đầu (từ đầu thế kỉ XX đến 1939) của TTTL Việt Nam, với tác phẩm tiêu biểu là «*Tố Tâm*». Tiếp tục mở rộng, đào sâu đối tượng miêu tả, Vũ Trọng Phụng đem đến cho văn xuôi Việt Nam loại hình TTTL bản năng, với tác phẩm nổi tiếng «*Lấy nhau vì tình*». Sau 1939 bùng nổ loại TTTL ý thức cá nhân khép kín. Kết tinh nghệ thuật của loại hình này là «*Bướm trắng*» của Nhất Linh. Lịch sử TTTL Việt Nam trước 1945 còn được chứng kiến sự ra đời của «*Sống mòn*» như là tác phẩm tiêu biểu của loại hình TTTL nhân cách. Bốn loại hình TTTL kể trên đánh dấu các bước phát triển của lịch sử thể loại, bởi mỗi loại hình là một kiểu cách tân nghệ thuật của văn xuôi Việt Nam trong quá trình hiện đại hoá. □

(1) Phan Ngọc. *Sự tiếp xúc văn hóa Việt Nam và Pháp*. NXB Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, H. 2006, tr. 177.

(2) Lê Thanh. *Nghiên cứu và phê bình văn học*. NXB Hội nhà văn, H. 2002, tr. 191.

(3) Nguyễn Hoàn Khung. *Lời giới thiệu Văn xuôi lãng mạn Việt Nam 1930-1945*, tập 1. NXB Văn học, H. 1996, tr. 515.

(4) Hoàng Ngọc Phách. *Tố Tâm*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1998, tr. 20.

(5) Dẫn theo: Nguyễn Huệ Chi. *Hoàng Ngọc Phách đường đời và đường văn*. NXB Văn học, H. 1996, tr. 515.

(6) Nhiều tác giả. *Nhất Linh, cây bút trụ cột*. NXB Văn hóa - Thông tin, H. 2000.

(7) Đỗ Đức Hiểu. *Đổi mới đọc và bình văn*. NXB Hội nhà văn, H. 1999, tr. 118.

(8) Nguyễn Đăng Mạnh. Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, số đặc biệt ngày 20/11/1992.

(9) Bích Thu. «*Sức sống của một sự nghiệp văn chương*», in trong «*Nam Cao, về tác gia và tác phẩm*». NXB Giáo dục, H. 1998, tr. 28.